

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 002817

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (QTKD) (226181) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt: 163

Số bài thi: 162

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	C
------------------	------------------	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120120106	BÙI THỊ THÚY AN	26/07/2002	CCQ2012D			An			8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120120587	HÀ NGỌC KIỀU ANH	27/03/2002	CCQ2012Q			Kieu			6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119120316	LÂM THỊ KIM ANH	06/12/2001	CCQ1912J			Kim			8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120120609	NGUYỄN HOÀNG ANH	30/08/2002	CCQ2012R			Anh			8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120120679	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	10/04/2002	CCQ2012L			Anh			5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120120663	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	16/02/2002	CCQ2012H							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120120037	NGUYỄN THỊ KIM ANH	07/11/2002	CCQ2012B			Anh			8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119120211	TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	10/06/1999	CCQ1912G							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120120571	BÙI THỊ BÌNH	21/11/2002	CCQ2012K			Binh			6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120120315	BÁO THỊ NGỌC CHÂU	20/09/2000	CCQ2012J							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120120038	HUỖNH THỊ BẢO CHÂU	18/08/2002	CCQ2012B			Chau			6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120120211	NGUYỄN NGỌC BĂNG CHÂU	24/02/2002	CCQ2012G							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120120452	NGUYỄN THỊ BÍCH CHI	30/08/2002	CCQ2012N			Chi			7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120120352	NGÔ VĂN CÔNG	01/09/2002	CCQ2012K							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120120245	NGUYỄN THỊ KIM CƯỜNG	02/09/2002	CCQ2012H			Cuong			7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120120455	TRƯƠNG NGỌC DIỆP	16/05/2002	CCQ2012N			Diep			7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120120318	HOÀNG THỊ KIM DUNG	11/04/2002	CCQ2012J						0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119120320	LÊ THỊ DUNG	07/05/2001	CCQ1912J			Dung			7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120120354	NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG	27/05/2002	CCQ2012K			HDung			7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120120179	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	30/10/2001	CCQ2012F			Thuy			9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 002817

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Thực tập tốt nghiệp (QTKD) (226181) - Nhóm 02

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:162

Số bài thi:162

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120120356	TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG	02/01/2001	CCQ2012K			Dung			6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120120248	NGUYỄN VĂN DŨNG	03/04/2001	CCQ2012H			Dũng			7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120120456	ĐẶNG LÂM DUY	08/02/2002	CCQ2012N			Duy			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120120108	NGUYỄN NGỌC DUY	22/11/2002	CCQ2012D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120120680	NGUYỄN TRẦN DUYÊN	01/05/2002	CCQ2012L			Duyên			9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120120281	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	25/10/2002	CCQ2012I			Duyên			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2119110243	HOÀNG XUÂN ĐIỀN	23/01/2001	CCQ1912P			Điền			7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120120358	ĐINH THỊ KIM ĐIẾP	11/04/2002	CCQ2012K			Điep			8.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120120689	BÙI THỊ GIANG	26/07/2002	CCQ2012R			Giang			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120120394	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	21/04/2001	CCQ2012L			Giang			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120120213	NGUYỄN VŨ XUÂN GIANG	06/08/2002	CCQ2012G			Giang			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120120682	VÕ THỊ HƯƠNG GIANG	26/09/2002	CCQ2012L			Giang			6.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120120041	VÕ THỊ THU HÀ	16/10/2002	CCQ2012B			Hà			8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120148	ĐOÀN LÊ TUẤN HẢI	22/11/2002	CCQ2012E			Hai			8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120120319	LÊ VĂN HẢI	25/03/2001	CCQ2012J							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120120590	NGUYỄN THỊ HẠNH	03/08/2002	CCQ2012Q							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120120073	NGUYỄN THỊ THANH HẢO	04/10/2002	CCQ2012C			Hao			8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120120684	LÊ NGUYỄN THU HẰNG	23/05/2002	CCQ2012L			Hong			6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120120074	LÊ THỊ THÚY HẰNG	02/09/2001	CCQ2012C			Thuy			7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120120249	LÊ THÚY HẰNG	28/04/2002	CCQ2012H			Hang			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (QTKD) (226181) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt: 162

Số bài thi: 162

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã ĐỀ	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm
41	2120120614	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06/03/2002	CCQ2012R			<u>Hàng</u>			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
42	2120120396	NGUYỄN THÁI GIA HÂN	19/04/2002	CCQ2012L			<u>Jun</u>			8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6
43	2120120008	PHAN ĐẶNG GIA HÂN	16/01/2002	CCQ2012A			<u>Hân</u>			7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
44	2120120359	HUỲNH CÔNG HẬU	14/07/1999	CCQ2012K			<u>hou</u>			5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6
45	2120120285	NGUYỄN SÔNG HẬU	02/05/2002	CCQ2012I			<u>Hau</u>			7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
46	2120120425	HOÀNG TRẦN THẢO HIỀN	24/09/2002	CCQ2012M			<u>Huan</u>			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
47	2120120360	LÊ THỊ NGỌC HIỀN	10/05/2002	CCQ2012K			<u>Hien</u>			5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6
48	2119120148	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	27/02/2001	CCQ1912E							(V) 0 1 2 3 4 5 6
49	2118110026	NGUYỄN HỒNG HIẾU	05/03/1999	CCQ1812I			<u>Hieu</u>			9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
50	2120120694	NGUYỄN THỊ KIM HIẾU	25/05/2002	CCQ2012M			<u>Hieu</u>			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
51	2118120557	PHẠM THỊ MINH HÒA	27/12/2000	CCQ1812G			<u>Hoa</u>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
52	2120120400	NGUYỄN THỊ MINH HỘI	07/05/2002	CCQ2012L			<u>Hoi</u>			6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6
53	2120120077	PHẠM THỊ HỒNG	02/02/2002	CCQ2012C			<u>Hong</u>			7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6
54	2119120641	TRẦN ĐỨC HỚI	26/04/2000	CCQ1912J							(V) 0 1 2 3 4 5 6
55	2120120617	MAI THỊ HUỆ	06/02/2002	CCQ2012R			<u>Hue</u>			7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6
56	2120120079	LÂM LÊ QUANG HUY	01/07/1999	CCQ2012C			<u>Huy</u>			8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6
57	2120120573	TRƯƠNG VĂN HUY	06/11/2002	CCQ2012M			<u>Huy</u>			6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
58	2120120156	VŨ THỊ NHƯ HUYỀN	01/10/2002	CCQ2012E			<u>Huyen</u>			6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
59	2120120010	DƯƠNG THU HƯƠNG	10/06/2002	CCQ2012A			<u>Huong</u>			8.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6
60	2120120116	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	11/05/2002	CCQ2012D			<u>Huong</u>			8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Số SV có mặt: 162
Số bài thi: 162
Số tờ giấy thi:

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (QTKD) (226181) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
61	2120120364	NGUYỄN THỊ XUÂN	HƯƠNG	05/08/2002	CCQ2012K		<u>Hương</u>			0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
62	2119120329	LÊ VĂN	KHÁNH	24/12/2000	CCQ1912J		<u>Chanh</u>			6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
63	2120120365	LÂM KIM TÂN	KHOA	05/07/2002	CCQ2012K		<u>Kim</u>			8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
64	2120120187	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	19/11/2002	CCQ2012F		<u>Kieu</u>			8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
65	2119170047	NGUYỄN VĂN	LẬP	14/11/2001	CCQ1912E		<u>Lap</u>			7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
66	2120120160	HOÀNG THỊ HỒNG	LIÊN	23/12/2002	CCQ2012E		<u>Liên</u>			7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
67	2120120638	HUỖNH THỊ KIM	LIÊN	07/11/2002	CCQ2012D		<u>Kim</u>			8.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
68	2119120496	PHẠM THỊ NGỌC	LIÊN	30/04/2001	CCQ1912N		<u>Liên</u>			7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
69	2120120256	HỒNG THỊ MỸ	LINH	02/02/2002	CCQ2012H		<u>Linh</u>			6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
70	2120120219	HUỖNH PHƯƠNG HOÀI	LINH	20/08/2001	CCQ2012G		<u>Linh</u>			7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
71	2119120046	LÊ THỊ CẨM	LINH	20/11/2001	CCQ1912B		<u>Linh</u>			7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
72	2120120405	PHẠM THỊ MỸ	LINH	12/11/2001	CCQ2012L		<u>Linh</u>			6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
73	2120120047	TRẦN THỊ	LINH	17/02/1999	CCQ2012B		<u>Linh</u>			6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
74	2120120122	TRẦN THỊ MỸ	LINH	09/02/2002	CCQ2012D		<u>Linh</u>			8.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
75	2120120161	TRƯƠNG KHÁNH	LINH	29/11/2002	CCQ2012E		<u>Chau</u>			8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
76	2119120528	NGUYỄN THỊ	LOAN	21/09/2001	CCQ1912O		<u>Loan</u>			8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
77	2120030049	PHẠM VĂN	LONG	08/02/2002	CCQ2012R		<u>Long</u>			9.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
78	2120120369	NGUYỄN THỊ HỒNG	LỘC	14/10/2001	CCQ2012K		<u>Loc</u>			7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
79	2119120153	TRẦN ĐÌNH	LỘC	06/02/2001	CCQ1912E		<u>Loc</u>				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
80	2120120685	HÀ KIỀU	LỢI	24/08/2002	CCQ2012L		<u>Kieu</u>			7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Thực tập tốt nghiệp (QTKD) (226181) - Nhóm 02

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt: 163
Số bài thi: 163
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2
------------------	------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm
81	2120120080	DIỆP NGỌC HỒNG MI	09/09/2002	CCQ2012C			Mi			7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6
82	2120120296	LÝ THỊ DIỄM MY	01/08/2002	CCQ2012I			My			5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
83	2120120259	PHẠM THỊ MỸ NA	10/11/2001	CCQ2012H			Na			7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
84	2120110227	TRẦN VĂN NAM	20/06/2002	CCQ2012R			Nam			8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6
85	2120120620	LÝ THỊ KIM NGÂN	08/01/2001	CCQ2012R			Ngân			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
86	2120120018	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	04/12/2001	CCQ2012A			Ngân			8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
87	2120240072	TRẦN NGỌC BÍCH NGÂN	01/08/2002	CCQ2012C			Ngân			5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6
88	2120120124	VŨ THỊ THẢO NGÂN	05/02/2002	CCQ2012D			Ngân			8.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6
89	2120260226	NGÔ HOÀNG KIM NGỌC	31/08/2002	CCQ2012Q							(V) 0 1 2 3 4 5 6
90	2120120329	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	04/01/2002	CCQ2012J			Ngoc			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
91	2120120639	PHAN THỊ MỸ NGỌC	16/12/2002	CCQ2012D			Ngoc			5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6
92	2120120469	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	29/09/2002	CCQ2012N			Nguyen			6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
93	2120120054	NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT	25/12/2001	CCQ2012B			Nguyen			6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
94	2120120085	LÂM THỊ YẾN NHI	11/05/2002	CCQ2012C			Nhi			7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6
95	2120120129	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	20/12/2002	CCQ2012D			Nhi			6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6
96	2120120333	HUỖNH THỊ NHUNG	07/05/2002	CCQ2012J			Nhung			7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
97	2120120021	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	10/05/2002	CCQ2012A			Nhung			6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
98	2120120262	LÂM KHẢ NHƯ	24/09/2002	CCQ2012H			Khank			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
99	2120120435	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	04/03/2002	CCQ2012M							(V) 0 1 2 3 4 5 6
100	2120120193	VÕ THANH QUỲNH NHƯ	15/01/2002	CCQ2012F						6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6